



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 2 tháng 11 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 02 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch
	Ông Ngô Quốc Nam	Phó Chủ tịch (đến ngày 1/12/2017)
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Trần Ngọc Khanh	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Ngọc Khanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Giám đốc Điều hành
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc Điều hành
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký
43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 30 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-143-e



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2040-2018-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		536.765.559.145	558.667.528.857
Tiền	110	5	32.958.608.264	12.331.846.339
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		91.000.000.000	121.392.729.421
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	91.000.000.000	121.392.729.421
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.298.291.740	153.790.927.125
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	147.336.219.398	131.182.286.496
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.990.232.471	3.852.686.895
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.590.195.954	24.126.528.936
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(5.618.356.083)	(5.370.575.202)
Hàng tồn kho	140	10	243.033.111.367	263.695.148.014
Hàng tồn kho	141		248.909.395.355	265.746.082.847
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.876.283.988)	(2.050.934.833)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.475.547.774	7.456.877.958
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	2.356.794.286	191.848.753
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.957.878.859	6.741.408.815
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16(a)	1.160.874.629	523.620.390

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		756.117.443.400	447.584.341.004
Tài sản cố định	220		371.314.645.936	242.745.814.526
Tài sản cố định hữu hình	221	11	370.810.645.936	242.178.814.526
Nguyên giá	222		924.664.024.420	792.231.651.445
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(553.853.378.484)	(550.052.836.919)
Tài sản cố định vô hình	227		504.000.000	567.000.000
Nguyên giá	228		698.000.000	698.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(194.000.000)	(131.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	12	8.881.623.209	7.469.759.968
Nguyên giá	231		14.665.958.408	12.567.926.156
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.784.335.199)	(5.098.166.188)
Tài sản dở dang dài hạn	240		327.192.461.567	133.330.931.503
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	327.192.461.567	133.330.931.503
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	30.291.204.123	40.447.370.201
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		28.942.649.123	38.670.767.757
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.348.555.000	1.776.602.444
Tài sản dài hạn khác	260		18.437.508.565	23.590.464.806
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	17.891.359.562	22.514.625.895
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		546.149.003	1.075.838.911
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.292.883.002.545	1.006.251.869.861

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.070.375.344.748	812.800.305.801
Nợ ngắn hạn	310		556.546.152.431	569.183.854.565
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	164.328.915.454	131.201.180.867
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.226.617.931	2.573.155.128
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	16(b)	2.815.686.273	3.939.840.005
Phải trả người lao động	314		20.439.482.480	18.941.058.612
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.925.132.832	2.088.732.797
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	537.236.155	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	3.741.724.417	8.240.851.673
Vay ngắn hạn	320	20(a)	357.373.406.250	399.851.515.109
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	2.157.950.639	2.347.520.374
Nợ dài hạn	330		513.829.192.317	243.616.451.236
Phải trả người bán dài hạn	331	15	23.013.139.257	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	11.836.183.386	3.357.334.613
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	26.331.923.822	75.001.549.556
Vay dài hạn	338	20(b)	452.647.945.852	165.257.567.067
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		222.507.657.797	193.451.564.060
Vốn chủ sở hữu	410	22	222.507.657.797	193.451.564.060
Vốn cổ phần	411	23	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(12.175.488)	(12.175.488)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	24.431.528.988	13.439.180.498
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.020.060.411	29.762.396.610
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		10.425.166.811	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		37.594.893.600	29.762.396.610
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		14.068.243.886	14.262.162.440
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.292.883.002.545	1.006.251.869.861

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	844.134.272.490	753.402.345.972
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	24.240.328	157.691.468
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	844.110.032.162	753.244.654.504
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	773.441.172.820	681.951.049.941
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		70.668.859.342	71.293.604.563
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	10.911.470.825	10.722.823.298
Chi phí tài chính	22	30	35.937.423.903	35.304.367.936
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>31.507.491.626</i>	<i>28.408.394.729</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		11.383.231.366	14.435.060.911
Chi phí bán hàng	25	31	12.614.717.298	11.281.271.205
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	31.902.064.827	29.512.332.835
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		12.509.355.505	20.353.516.796
Thu nhập khác	31	33	36.646.931.976	24.273.277.262
Chi phí khác	32	34	2.381.530.567	4.094.058.304
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		34.265.401.409	20.179.218.958
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		46.774.756.914	40.532.735.754
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	7.407.643.266	4.743.476.477
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	529.689.908	489.715.400
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		38.837.423.740	35.299.543.877
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		37.594.893.600	33.601.181.514
Cổ đông không kiểm soát	62		1.242.530.140	1.698.362.363
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	2.764	2.471

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	46.774.756.914	40.532.735.754
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	37.955.460.459	31.954.977.864
Các khoản dự phòng	03	4.073.130.036	479.400.877
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(35.842.338)	953.453.843
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(18.217.481.289)	(23.509.633.114)
Chi phí lãi vay	06	31.507.491.626	28.408.394.729
Các khoản điều chỉnh khác	07	(34.338.098.436)	(14.798.802.578)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	67.719.416.972	64.020.527.375
Biến động các khoản phải thu	09	(4.218.042.329)	(19.895.655.411)
Biến động hàng tồn kho	10	16.836.687.492	5.524.450.707
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	36.776.943.744	25.148.416.855
Biến động chi phí trả trước	12	9.668.412.006	(11.052.585.668)
		126.783.417.885	63.745.153.858
Tiền lãi vay đã trả	14	(31.002.174.520)	(28.368.288.198)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.981.223.311)	(2.568.160.877)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	976.416.320	38.266.554.469
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.248.068.101)	(1.400.709.098)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	85.528.368.273	69.674.550.154

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(348.499.435.994)	(102.814.326.084)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	4.619.250.675	3.765.817.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(102.050.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	132.442.729.421	18.907.270.579
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	685.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	12.499.717.829	7.094.650.009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(300.302.738.069)	(73.046.588.496)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát	31	-	1.163.500.000
Tiền thu từ đi vay	33	1.248.555.996.389	871.287.631.005
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.004.073.403.335)	(861.336.828.125)
Tiền trả cổ tức	36	(8.848.457.741)	(6.481.318.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	235.634.135.313	4.632.984.080
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	20.859.765.517	1.260.945.738
Tiền đầu năm	60	12.331.846.339	11.007.260.158
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(233.003.592)	63.640.443
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	32.958.608.264	12.331.846.339

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:

Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sơ, sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; và
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bưu chính viễn thông.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con là nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có các công ty con và các công ty liên kết sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
		31/12/2017	1/1/2017	
Công ty con				
1	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	Sản xuất và mua bán bông, sợi, vải, sợi, quần áo, vật tư và nguyên phụ liệu ngành dệt may.	52,52%	52,52%
2	Công ty CP Chăn len Dệt May Nam Định	Sản xuất, mua bán chăn, vải, sợi, len, sản phẩm từ sợi len và quần áo may sẵn.	87,78%	87,78%
3	Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh các loại khăn, quần áo, vải và sợi.	86,34%	86,34%
4	Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	53,46%	53,46%
5	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	90,88%	90,88%
6	Công ty CP May V Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	78,65%	78,65%
7	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi và quần áo may sẵn.	89,00%	89,00%
Công ty liên kết				
1	Công ty CP May I Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	41,82%	41,82%
2	Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hoặc đi thuê.	36,92%	36,92%

Các công ty con và các công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 2.739 nhân viên (1/1/2017: 2.896 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 50 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 3 – 8 năm
- máy móc và thiết bị 5 – 15 năm
- phương tiện vận chuyển 6 – 10 năm

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê máy móc và thiết bị

Chi phí thuê máy móc và thiết bị gồm tiền thuê máy móc trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng máy móc thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê máy móc.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc xác định rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất đó là sản xuất, gia công và kinh doanh các mặt hàng dệt may bao gồm sợi, chỉ, sợi len, chỉ khâu, chăn, khăn cotton, quần áo may sẵn.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam
- Trung Quốc
- Hàn Quốc
- Ấn Độ
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Các vùng địa lý khác

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hàn Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Ngày Bản Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017							
Tổng doanh thu của bộ phận	416.624.544	226.975.045	108.789.630	16.098.170	60.232.096	15.414.787	844.134.272
Kết quả kinh doanh của bộ phận	33.473.433	8.012.703	15.562.947	2.437.784	7.890.934	3.291.058	70.668.859
Chi phí không phân bổ	(58.159.503)						
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh	12.509.356						
Thu nhập khác	36.646.932						
Chi phí khác	(2.381.531)						
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.937.333)						
Lợi nhuận thuần sau thuế	38.837.424						

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hàn Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017							
Tài sản của bộ phận	132.921.135	7.179.394	5.941.401	570.028	3.017.377	2.697.117	152.326.452
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ							1.140.556.551
Tổng tài sản							1.292.883.003
Nợ phải trả của bộ phận	71.606.541	4.749.390	420.276	-	-	90.779.326	167.555.533
Các khoản nợ không phân bổ							902.819.812
Tổng nợ phải trả							1.070.375.345

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiêu vốn	348.499.436
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	35.348.896
Khấu hao tài sản cố định vô hình	63.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hàn Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016							
Tổng doanh thu của bộ phận	383.014.085	191.822.963	96.674.762	23.971.005	49.926.868	7.992.663	753.402.346
Kết quả kinh doanh của bộ phận	43.257.114	7.712.213	12.639.955	1.245.567	5.707.938	730.818	71.293.605
Chi phí không phân bổ							(50.940.088)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							20.353.517
Thu nhập khác							24.273.277
Chi phí khác							(4.094.058)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(5.233.192)
Lợi nhuận thuần sau thuế							35.299.544

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hàn Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017							
Tài sản của bộ phận	112.403.639	8.789.265	5.996.397	1.777.299	3.194.605	2.873.768	135.034.973
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ							871.216.897
Tổng tài sản							1.006.251.870
Nợ phải trả của bộ phận							133.774.336
Các khoản nợ không phân bổ	94.314.877	695.620	498.495	16.238.296	-	22.027.048	679.025.970
Tổng nợ phải trả							812.800.306
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016							
Chi tiêu vốn							102.814.326
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư							31.891.978
Khấu hao tài sản cố định vô hình							63.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.872.345.160	1.725.369.831
Tiền gửi ngân hàng	31.086.263.104	9.906.476.508
Tiền đang chuyên	-	700.000.000
	<hr/>	<hr/>
	32.958.608.264	12.331.846.339
	<hr/>	<hr/>

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	91.000.000.000	91.000.000.000	121.392.729.421	121.392.729.421
	<hr/>			

(*) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 1% đến 4,8% (2016: 4,8%) một năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017				1/1/2017					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công liên kết										
• Công ty CP May I Dệt May Nam Định	41,82%	41,82%	3.484.808.934	-		41,82%	41,82%	3.538.528.411	-	
• Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	25.457.840.189	-		36,92%	36,92%	35.132.239.346	-	
			<u>28.942.649.123</u>	<u>-</u>				<u>38.670.767.757</u>	<u>-</u>	
▪ Đơn vị khác										
• Công ty CP Bông Miền Bắc			-	-				428.047.444	-	
• Ngân hàng TMCP Công thương			1.348.555.000	-				1.348.555.000	-	
			<u>1.348.555.000</u>	<u>-</u>				<u>1.776.602.444</u>	<u>-</u>	
			<u>30.291.204.123</u>	<u>-</u>				<u>40.447.370.201</u>	<u>-</u>	
										(*)

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	38.670.767.757	24.703.462.711
Lãi từ các công ty liên kết	11.383.231.366	14.435.060.911
Cổ tức được chia	(21.111.350.000)	(467.755.865)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	28.942.649.123	38.670.767.757
	<hr/>	<hr/>

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ	1.182.254.004	718.549.543
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	19.800.000	36.588.185
Công ty CP May I - Dệt May Nam Định	2.587.472.075	3.945.887.658
Công ty Cổ phần May Nam Định	388.064.600	1.187.046.080
Bên thứ ba		
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Phương Thúy	45.213.858.527	41.843.421.975
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	2.883.059.365	9.772.312.325
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phát Quảng	16.496.000.073	9.471.484.625
Các khách hàng khác	78.565.710.754	64.206.996.105
	<hr/>	<hr/>
	147.336.219.398	131.182.286.496
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định (*)	2.924.339.219	18.451.713.675
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	3.200.000.000	-
Phải thu về giá trị còn lại của tài sản trên đất di dời được đền bù (Thuyết minh 34)	-	805.845.932
Ký cược, ký quỹ	1.898.441.179	775.202.435
Tạm ứng	725.161.636	901.555.402
Phải thu khác	842.253.920	3.192.211.492
	9.590.195.954	24.126.528.936

(*) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá, bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Các khoản chi phí này đã được Sở Tài chính Tỉnh Nam Định phê duyệt và trình Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ theo công văn số 2510/STC-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Sở tài chính và Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.

Trong năm, Bộ Tài chính đã có các công văn trả lời, đồng ý hỗ trợ Tổng Công ty các chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời và các chi phí phát sinh do ngừng sản xuất. Tổng Công ty đã ghi giảm khoản phải thu khác tương ứng với số tiền hỗ trợ đã nhận được trong năm. Phần còn lại của khoản phải thu khác tương ứng với các khoản xin hỗ trợ chi phí sản xuất chạy thử vẫn đang được Bộ Tài chính tiếp tục xem xét.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2017			1/1/2017				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 2 năm	3.573.951.865	(2.501.766.306)	1.072.185.559
Textile International N.V	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	323.176.038	(323.176.038)	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Dung	Trên 3 năm	118.515.062	(118.515.062)	-	Trên 2 năm	118.515.062	(82.960.543)	35.554.519
	Từ 6 tháng đến 1 năm	137.827.154	(41.348.146)	96.479.008	Từ 6 tháng đến 1 năm	-	-	-
Các khoản phải thu khác	Trên 2 năm	395.754.346	(343.280.767)	52.473.579	Trên 2 năm	274.707.776	(258.548.168)	16.159.608
Các khoản phải thu khác	Trên 3 năm	2.232.152.743	(2.232.152.743)	-	Trên 3 năm	2.204.124.147	(2.204.124.147)	-
		5.767.308.670	(5.618.356.083)	148.952.587		6.494.474.888	(5.370.575.202)	1.123.899.686
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(5.618.356.083)				(5.370.575.202)	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	5.662.644.761	-	20.792.839.143	-
Nguyên vật liệu	64.015.698.500	-	45.179.216.410	-
Công cụ và dụng cụ	268.372.979	-	272.324.893	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	51.028.631.637	-	54.096.582.849	-
Thành phẩm	97.674.815.142	(4.157.360.576)	97.402.366.051	(2.050.934.833)
Hàng hóa	30.200.998.671	(1.718.923.412)	42.740.872.766	-
Hàng gửi đi bán	58.233.665	-	5.261.880.735	-
	248.909.395.355	(5.876.283.988)	265.746.082.847	(2.050.934.833)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 10.849 triệu VND thành phẩm và 9.491 hàng hóa (1/1/2017: 5.048 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	116.936.340.129	1.875.349.628	649.136.468.212	24.283.493.476	792.231.651.445
Tăng trong năm	110.628.400	46.092.000	1.327.140.840	-	1.483.861.240
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	96.006.530.710	202.442.924	63.700.858.742	8.366.805.645	168.276.638.021
Thanh lý	(8.425.067.804)	-	(27.954.877.800)	-	(36.379.945.604)
Giảm khác	-	-	(948.180.682)	-	(948.180.682)
Số dư cuối năm	204.628.431.435	2.123.884.552	685.261.409.312	32.650.299.121	924.664.024.420
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	49.902.807.536	1.669.050.025	489.949.419.814	8.531.559.544	550.052.836.919
Khấu hao trong năm	8.840.931.001	64.466.274	22.869.527.229	2.887.802.718	34.662.727.222
Thanh lý	(3.300.329.982)	-	(26.921.618.611)	-	(30.221.948.593)
Giảm khác	-	-	(640.237.064)	-	(640.237.064)
Số dư cuối năm	55.443.408.555	1.733.516.299	485.257.091.368	11.419.362.262	553.853.378.484
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	67.033.532.593	206.299.603	159.187.048.398	15.751.933.932	242.178.814.526
Số dư cuối năm	149.185.022.880	390.368.253	200.004.317.944	21.230.936.859	370.810.645.936

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 260.224 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 250.374 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 270.561 triệu VND (1/1/2017: 147.087 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 20).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	12.567.926.156
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.098.032.252
	<hr/>
Số dư cuối năm	14.665.958.408
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	5.098.166.188
Khấu hao trong năm	686.169.011
	<hr/>
Số dư cuối năm	5.784.335.199
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	7.469.759.968
Số dư cuối năm	8.881.623.209
	<hr/>

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Ki-ốt cho thuê tại số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty và các công ty con không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	133.330.931.503	109.223.586.194
Tăng trong năm	374.574.264.231	95.348.960.909
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(168.276.638.021)	(57.841.802.680)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(630.000.000)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.098.032.252)	(235.444.652)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(10.330.063.894)	(916.823.921)
Chi phí di dời được hỗ trợ	-	(11.559.887.239)
Biến động khác	(8.000.000)	(57.657.108)
Số dư cuối năm	327.192.461.567	133.330.931.503

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc	311.141.032.998	6.689.758.596
Dự án Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động lực	337.053.941	69.725.226.915
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	13.297.821.982	18.329.264.068
Các công trình khác	2.416.552.646	38.586.681.924
Số dư cuối năm	327.192.461.567	133.330.931.503

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 4.580 triệu VND (2016: 2.752 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ 302.076 triệu VND (1/1/2017: Không) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 20(b)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công cụ và dụng cụ	2.208.585.993	143.566.725
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	148.208.293	48.282.028
	2.356.794.286	191.848.753

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê máy móc và thiết bị VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	-	15.405.022.074	265.260.374	6.844.343.447	22.514.625.895
Tăng trong năm	-	2.157.772.858	1.135.868.372	471.474.504	3.765.115.734
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.520.971.000	3.809.092.894	-	-	10.330.063.894
Phân bổ trong năm	(3.119.972.688)	(10.921.289.802)	(1.137.268.384)	(3.539.915.087)	(18.718.445.961)
Số dư cuối năm	3.400.998.312	10.450.598.024	263.860.362	3.775.902.864	17.891.359.562

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bên liên quan		
Ông Phạm Quốc Tuấn	4.450.514.469	4.099.464.841
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	56.161.618	-
Các bên liên quan khác	-	982.024.606
Bên thứ ba		
Cargill Cotton Limited	68.203.934.190	-
Ecom Agroindustrial Asia Pte Ltd.	-	16.238.295.931
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Đạt	5.326.404.777	12.137.784.358
Các nhà cung cấp khác	109.305.039.657	97.743.611.131
	187.342.054.711	131.201.180.867

Khoản phải trả thương mại các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	164.328.915.454	131.201.180.867
Dài hạn	23.013.139.257	-
	187.342.054.711	131.201.180.867

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số tăng phải thu trong năm VND	Số phát sinh trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	500.000.000	47.426.765.409	(47.455.115.835)	471.649.574
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	668.475.116	-	668.475.116
Các loại thuế khác	23.620.390	102.832.000	(105.702.451)	20.749.939
	523.620.390	48.198.072.525	(47.560.818.286)	1.160.874.629

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/được khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.799.366.467	36.959.891.762	(36.219.840.163)	2.539.418.066
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	20.775.596	29.810.653.732	(29.831.429.328)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.920.592.167	7.407.643.266	(9.312.748.195)	15.487.238
Thuế thu nhập cá nhân	42.762.066	394.718.189	(358.553.197)	78.927.058
Tiền thuê đất	-	2.458.932.133	(2.458.932.133)	-
Các loại thuế khác	156.343.709	760.093.120	(734.582.918)	181.853.911
	3.939.840.005	77.791.932.202	(78.916.085.934)	2.815.686.273

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay	435.433.830	666.641.552
Chi phí điện, nước phải trả	835.105.348	735.462.123
Chi phí khác	654.593.654	686.629.122
	1.925.132.832	2.088.732.797

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn là doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư.

19. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	869.748.883	3.000.600.058
Cổ tức phải trả	1.605.639.096	1.731.265.200
Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan	52.300.525	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.214.035.913	3.508.986.415
	<hr/>	<hr/>
	3.741.724.417	8.240.851.673
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (*)	26.212.500.000	74.882.125.734
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	<hr/>	<hr/>
	26.331.923.822	75.001.549.556
	<hr/>	<hr/>

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017	Biến động trong năm			31/12/2017
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	393.110.553.978	895.033.137.177	(938.043.986.387)	(121.294.777)	349.978.409.991
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	6.740.961.131	7.394.996.259	(6.740.961.131)	-	7.394.996.259
	399.851.515.109	902.428.133.436	(944.784.947.518)	(121.294.777)	357.373.406.250

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan				
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	-	-	64.999.388.608
Bên thứ ba				
Vay ngân hàng 1	VND	6	36.344.311.333	64.836.592.265
Vay ngân hàng 2	USD	2,5 - 5	84.347.220.592	85.082.964.782
Vay ngân hàng 3	VND	7,5	38.631.802.726	44.138.370.661
Vay ngân hàng 4	USD	-	-	16.713.468.018
Vay ngân hàng 5	USD	3,8	5.277.729.273	-
Vay ngân hàng 6	VND	8	32.939.866.984	17.206.024.691
Vay ngân hàng 7	VND	-	-	24.632.520.150
Vay ngân hàng 8	VND	8 - 9	22.180.320.000	21.100.000.000
Vay ngân hàng 9	USD	2,5 - 3,3	66.088.857.392	31.895.331.317
Vay ngân hàng 10	VND	-	-	4.440.000.000
Vay ngân hàng 11	VND	7,5	439.055.760	-
Vay ngân hàng 12	USD	4,5	18.639.602.657	-
Vay cá nhân	VND	5,16 - 9	45.089.643.274	18.065.893.486
			349.978.409.991	393.110.553.978

(*) Trong năm, khoản vay này đã được gia hạn và được phân loại sang vay dài hạn.

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị ghi sổ là 61.421 triệu VND (1/1/2017: 42.543 triệu VND).

Khoản vay từ các cá nhân không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	165.257.567.067	143.196.377.838
Tăng trong năm	354.207.083.515	32.450.970.903
Vay ngắn hạn được gia hạn	64.999.388.608	-
Tiền vay hoàn trả trong năm	(124.287.844.425)	(3.936.459.524)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(133.252.654)	287.638.981
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	460.042.942.111	171.998.528.198
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh 20(a))	(7.394.996.259)	(6.740.961.131)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	452.647.945.852	165.257.567.067
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (i)	VND	5% - 6%	2023	64.999.388.608	-
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (ii)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	134.052.944.328	19.759.284.840
Bên thứ ba					
Vay từ ngân hàng 1 (iii)	VND	8%	2023	89.215.170.950	121.092.729.421
Vay từ ngân hàng 2	USD	4,80%	2022	19.307.214.558	24.235.895.597
Vay từ ngân hàng 3	USD	6,50%	2022	260.997.800	784.887.600
Vay từ ngân hàng 4	USD	4,50%	2024	737.935.740	849.596.400
Vay từ ngân hàng 5	VND	10,00%	2021	150.000.000	750.000.000
Vay từ ngân hàng 6	VND	9,00%	2020	4.955.910.500	3.404.770.500
Vay từ ngân hàng 7	VND	-	-	-	517.520.000
Vay từ ngân hàng 8 (iii)	USD	4%	2022	145.638.089.627	603.843.840
Vay từ ngân hàng 9	VND	10%	2022	235.040.000	-
Vay từ ngân hàng 10	VND	10%	2021	490.250.000	-
				460.042.942.111	171.998.528.198

(i) Khoản vay này không được đảm bảo.

(ii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 133.647 triệu VND (1/1/2017: 55.090 triệu VND) (Thuyết minh 11).

(iii) Các khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 302.076 triệu VND (1/1/2017: Không) (Thuyết minh 13).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 75.493 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 49.454 triệu VND) (Thuyết minh 11).

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	136.000.000.000	(12.175.488)	13.084.748.054	4.809.301.814	12.871.535.131	166.753.409.511
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	1.163.500.000	1.163.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	33.601.181.514	1.698.362.363	35.299.543.877
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.330.454.591)	(161.662.726)	(1.492.117.317)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	354.432.444	(485.571.092)	131.138.648	-
Cổ tức	-	-	-	(6.800.000.000)	(1.412.584.000)	(8.212.584.000)
Biến động khác	-	-	-	(32.061.035)	(28.126.976)	(60.188.011)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	136.000.000.000	(12.175.488)	13.439.180.498	29.762.396.610	14.262.162.440	193.451.564.060
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	37.594.893.600	1.242.530.140	38.837.423.740
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(940.411.694)	(118.086.672)	(1.058.498.366)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	10.992.348.490	(10.916.818.105)	(75.530.385)	-
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(7.480.000.000)	(1.242.831.637)	(8.722.831.637)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	136.000.000.000	(12.175.488)	24.431.528.988	48.020.060.411	14.068.243.886	222.507.657.797

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Cổ tức

Ngày 22 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.480 triệu VND cho các cổ đông (2016: 6.800 triệu VND).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Từ hai đến năm năm	6.991.610.083	5.308.703.500
Sau năm năm	58.697.005.583	63.875.690.500
	<hr/>	<hr/>
	65.688.615.666	69.184.394.000
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	191.731	4.338.119.303	134.718	3.060.616.875
EUR	339	9.179.988	339	8.080.273
		<hr/>		<hr/>
		4.347.299.291		3.068.697.148
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	4.500.000.000	445.224.554.000
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	665.045.933.852	584.102.513.575
▪ Cung cấp dịch vụ	27.064.766.565	18.492.350.730
▪ Dịch vụ gia công	147.314.555.662	137.655.011.323
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	2.893.328.152	2.459.389.102
▪ Doanh thu khác	1.815.688.259	10.693.081.242
	<hr/> 844.134.272.490	<hr/> 753.402.345.972
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(14.006.916)	(157.691.468)
▪ Chiết khấu thương mại	(10.233.412)	-
	<hr/> (24.240.328)	<hr/> (157.691.468)
Doanh thu thuần	<hr/> 844.110.032.162	<hr/> 753.244.654.504

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2017 VND	2016 VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	617.326.054.120	540.175.672.502
Dịch vụ đã cung ứng	10.555.205.380	5.865.168.348
Dịch vụ gia công	138.627.202.162	124.603.046.430
Bất động sản đầu tư cho thuê	1.361.920.263	1.017.524.067
Giá vốn khác	1.745.441.740	10.221.703.817
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.825.349.155	67.934.777
	<hr/> 773.441.172.820	<hr/> 681.951.049.941

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	6.232.219.629	7.019.650.009
Cổ tức được chia	156.148.200	75.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.266.006.104	3.627.122.267
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	256.952.556	-
Doanh thu khác	144.336	1.051.022
	<hr/> 10.911.470.825	<hr/> 10.722.823.298 <hr/>

30. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	31.507.491.626	28.408.394.729
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.408.964.329	6.170.659.771
Lãi mua hàng chậm trả	-	656.803.150
Chi phí tài chính khác	20.967.948	68.510.286
	<hr/> 35.937.423.903	<hr/> 35.304.367.936 <hr/>

31. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí vận chuyển	4.776.232.413	5.094.723.036
Chi phí lương nhân viên	159.701.494	151.013.664
Chi phí đại lý bán hàng	1.600.471.017	951.966.628
Chi phí xuất khẩu	3.703.289.380	3.427.903.871
Chi phí bán hàng khác	2.375.022.994	1.655.664.006
	<hr/> 12.614.717.298	<hr/> 11.281.271.205 <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lương nhân viên	17.132.885.291	18.179.589.248
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	218.316.880	411.466.100
Chi phí phân bổ trả trước	4.123.259.836	803.935.997
Chi phí khấu hao	592.538.543	576.010.743
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.835.064.277	9.541.330.747
	31.902.064.827	29.512.332.835

33. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Tiền đền bù tài sản trên đất di dời (*)	34.646.042.054	17.861.583.211
Lãi từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định hữu hình	188.929.538	1.979.922.194
Tiền bồi thường nhận được	688.090.453	429.371.507
Các khoản thu nhập khác	1.123.869.931	4.002.400.350
	36.646.931.976	24.273.277.262

(*) Đây là giá trị đền bù tài sản trên đất di dời Giai đoạn 2 của Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định mà Tổng Công ty đã được ứng trước từ Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (Thuyết minh 19(b)). Khoản thu nhập này được ghi nhận khi Tổng Công ty hoàn tất thực hiện việc bàn giao mốc địa giới của mặt bằng với Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định và Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Nam Định.

34. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Giá trị còn lại của tài sản trên đất di dời được đền bù (Thuyết minh 33)	805.845.932	3.062.780.633
Chi phí khác	1.575.684.635	1.031.277.671
	2.381.530.567	4.094.058.304

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	209.809.464.654	190.119.766.783
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	185.650.064.827	185.569.275.069
Chi phí nhân công	194.579.314.736	191.676.543.041
Chi phí khấu hao	37.955.460.459	31.954.977.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.607.272.454	93.551.648.957
Chi phí khác	50.407.234.529	35.464.827.751

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	7.407.643.266	4.743.476.477
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	529.689.908	489.715.400
	7.937.333.174	5.233.191.877

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	46.774.756.914	40.532.735.754
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	9.354.951.383	8.106.547.151
Chi phí không được khấu trừ thuế	952.210.205	176.470.254
Thu nhập không bị tính thuế	(31.229.640)	(15.000.000)
Ảnh hưởng của phần lãi được chia từ các công ty liên kết	(2.276.646.273)	(2.887.012.182)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(61.952.501)	(147.813.346)
	7.937.333.174	5.233.191.877

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

Các công ty con của Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất được quy định theo luật thuế hiện hành.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 37.594.893.600 VND (2016: 33.601.181.514 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.600.000 cổ phiếu (2016: 13.600.000 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2017. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.459.211.504	328.325.140
Vay	113.725.000.000	23.907.270.533
Hoàn trả khoản vay	-	34.147.985.693
Chi phí lãi vay	3.523.232.900	4.342.816.146
Lãi vay và phí nhập gốc vay	684.224.303	-
Các bên liên quan khác		
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	47.872.697	-
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	976.416.320	38.266.554.469
Công ty CP Bông Miền Bắc		
Cổ tức	40.000.000	75.000.000
Thoái vốn	428.047.444	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty CP Sợi Phú Bài		
Biếu tặng máy móc thiết bị	307.943.618	-
Công ty CP May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.261.156.276	3.178.559.400
Công ty CP May I Dệt May Nam Định		
Cung cấp dịch vụ	2.757.809.261	2.211.657.990
Mua hàng hóa dịch vụ	2.389.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	666.736.673	1.058.695.761

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Bù trừ khoản phải trả với cổ tức phải thu trong năm	15.000.000.000	-
Lãi vay và phí nhập gốc vay	684.224.303	-
Giá trị còn lại của tài sản chờ hỗ trợ di dời	-	1.273.177.489
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chờ hỗ trợ di dời	-	11.559.887.239
Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán	-	1.139.079.096

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Đông Giám đốc